TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:07/2019/HS- ST
Ngày 28/02/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị O
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quốc S
2. Ông Trần Văn Th
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn H - Kiểm sát viên .

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/HSST ngày 30 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

* Họ và tên: Nguyễn Thành H, sinh năm 1996
- Tên gọi khác: không;
- Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn B, xã Nh, huyện T, tỉnh B;
- Nghề nghiệp: lao động tự do; Văn hoá: 6/12;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
- Con ông: Nguyễn Thành Tr- sinh năm 1958 và bà: Vũ Thị Ch- sinh năm 1964
- Vợ, con: Chưa có;
- Gia đình có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ năm;
- Tiền sự: không;
- Tiền án: Bản án số 33/2017/HSST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc G xử phạt Nguyễn Thành H 12 tháng tù về tội" Lạm dụng tín nhiếm chiếm đoạt tài sản". Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 30/4/2018.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại:*
- Anh Nguyễn Văn D - sinh năm 1996 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B
* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn V, xã L, huyện T, tỉnh
- Bà Đào Thị Th- sinh năm 1976 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B;
- Bà Phùng Thị H - sinh năm 1975 (vắng mặt)
Nơi cư trú: số nhà 29, phố T, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh B;
- Ông Nguyễn Hoàng Th - sinh năm 1969 (vắng mặt)
Nơi cư trú: số nhà 22, phố T, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh B;
- Ông Vũ Đình Đ - sinh năm 1977 (vắng mặt)
- Cháu Vũ Thị Thúy V - sinh năm 2002 (vắng mặt)
Đều cư trú: thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh B;
* Đại diện hợp pháp của cháu V:
- Ông Vũ Đình Đ - sinh năm 1977 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh B;
** Người làm chứng:*
- Bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1954 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh B;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 03/12/2018, Nguyễn Thành H, sinh năm 1996 ở thôn B, xã Nh, huyện T, tỉnh B điều khiển xe máy điện nhãn hiệu SUFAT màu sơn đen, biển kiểm soát 98MĐ - 023.44 (xe máy điện H mượn của cậu ruột là Vũ Đình Đ, sinh năm 1977 ở thôn Đ, xã Ng, huyện T) đến nhà anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1996 ở thôn Đ, xã L, huyện T chơi (D là bạn của H). Khi đến nhà D, H nhờ D cắm nhờ xạc xe máy điện, sau đó H hỏi mượn của D chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen - xám, biển kiểm soát 98N8- 3810 để đi đón bạn. Do tin tưởng H là bạn nên anh D đồng ý cho H mượn xe. Sau khi mượn được xe mô tô của D, Nguyễn Thành H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh D đem cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. H điều khiển xe mô tô đến cửa hàng cầm đồ C - H ở phố T, thị trấn Nh, huyện T thì gặp bà Phùng Thị H, sinh năm 1975 ở số nhà 29, phố T, thị trấn Nh, huyện T (bà H là chủ hiệu cầm đồ) và đặt vấn cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N8- 3810 cho bà H lấy số tiền 2.000.000đồng, bà H hỏi về giấy tờ xe thì H nói là xe của bố đang có việc gấp và hẹn bà H đến chiều mang giấy tờ xe đến, bà H đồng ý cầm chiếc xe trên cho H và đưa cho H một tờ Hợp đồng cầm đồ và yêu cầu H điền vào các thông tin, trong đó H có ghi số tiền cầm cố chiếc xe mô tô là 2.200.000 đồng nhưng thực tế bà H chỉ đưa cho H số tiền 2.000.000đồng, còn 200.000đồng là tiền lãi và hẹn đến ngày 10/12/2018 đến trả tiền và lãi đầy đủ.

Số tiền cầm cố chiếc xe chiếm đoạt được của anh D, Nguyễn Thành H đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân hết và không có ý định, cũng như có tiền để chuộc lại chiếc xe mô tô đã cầm cố trả lại cho anh D.

Sau khi cho H mượn xe, không thấy H trả lại xe và biết rõ Nguyễn Thành H đã cầm cố chiếc xe mô tô mượn của mình nên ngày 11/12/2018, anh D đã làm đơn trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đề nghị xử lý đối với Nguyễn Thành H.

Cùng ngày 11/12/2018, Nguyễn Thành H đã đến Công an xã L, huyện T đầu thú và khai nhận về hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của mình.

Trong ngày 11/12/2018, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của bà Phùng Thị H: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen - xám, biển kiểm soát 98N8 - 3810; 01 (một) Hợp đồng cầm đồ của cửa hàng cầm đồ C - H, địa chỉ phố T , thị trấn Nh, huyện T ghi ngày 03/12/2018.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 64/KL- ĐGTS ngày 12/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave, màu đen - xám, biển kiểm soát 98N8- 3810, số máy 1511495, số khung 006551, xe đã sử dụng từ năm 2010 được định giá là 2.670.000đồng.

Tại bản kết luận giám định số 1716/KL-KTHS ngày 20/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Chữ viết, chữa ký (dạng chữ viết) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (trừ chữ viết "Hẹn mang giấy tờ sau"; chữ số "03/12/...8" và chữa ký, chữ viết"H - Phùng Thị H" dưới mục"Chủ cửa hàng") so với chữa viết, chữ ký của Nguyễn Thành H trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký, viết ra.

Về chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N8 - 3810, quá trình điều tra xác định là phương tiện thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, ở thôn V, xã L, huyện T. Ngày 03/12/2018, ông T cho bà Đào Thị Th, sinh năm 1976, ở thôn Đ, xã L, huyện T (là chị dâu ông T) và Nguyễn Văn D (con trai bà Th) mượn để đi lại cho gia đình. Ngày 08/01/2019, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu. Đến nay ông Nguyễn Văn T không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại.

Ngoài hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N8 - 3810 của anh Nguyễn Văn D, cũng trong ngày 03/12/2018, Nguyễn Thành H còn có hành vi mượn 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu SUFAT, màu sơn đen, biển kiểm soát 98MĐ - 023.44 của ông Vũ Đình Đ, sinh năm 1977 (là cậu ruột của H) và con gái ông Đương là cháu Vũ Thị Thúy V, sinh năm 2002 ở thôn Đ, xã Ng, huyện T, sau đó H đã gửi tại cửa hiệu cầm đồ Th - Th rồi hỏi vay ông Hoàng Văn Th tổng số tiền 3.000.000đồng. Tuy nhiên, H không có ý thức chiếm đoạt chiếc xe máy điện nên đã đưa cho ông Đ số tiền 3.000.000 đồng để ông Đ lấy xe về. Do vậy, hành vi đó của Nguyễn Thành H không cấu thành tội phạm.

Đối với Phùng Thị H có hành vi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N8 - 3810 do H chiếm đoạt được của anh D, tuy nhiên bà H không biết chiếc xe trên là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với H. Ngày 25/01/2019, Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phùng Thị H do khi cầm xe mô tô không có giấy tờ sở hữu về

chiếc xe. Đến nay, bà H yêu cầu Nguyễn Thành H phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng đã bỏ ra cầm cố chiếc xe mô tô.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thành H thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 05/CT- VKS, ngày 29/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Nguyễn Thành H về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Thành H đã khai nhận rõ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

* Tại phiên toà hôm nay đại diện VKSND huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX :

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

* Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt : Bị cáo Nguyễn Thành H từ 12 tháng tù đến 14 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 11/12/2018.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo phải trả cho bà H số tiền 2.000.000 đồng

Bị cáo thuộc hộ nghèo nên không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo và miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dụng vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 03/12/2018, Nguyễn Thành H điều khiển xe máy điện đến nhà anh Nguyễn Văn D ở thôn Đ, xã L, huyện T chơi và hỏi mượn của anh D chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen - xám, biển kiểm soát 98N8- 3810 để đi đón bạn. Sau khi mượn được xe mô tô của anh D, Nguyễn Thành H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh D đem cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. H điều khiển xe mô tô đến cửa hàng cầm đồ C - H (bà H là chủ hiệu cầm đồ)

và đặt vấn cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N8- 3810 cho bà H lấy số tiền 2.000.000đồng. Số tiền cầm cố chiếc xe chiếm đoạt được của anh D, Nguyễn Thành H đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá trong tố tụng hình sự số 64/KL-ĐGTS ngày 12/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T đã định giá: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Wave α, màu đen - xám, biển kiểm soát 98N8-3810, xe cũ đã qua sử dụng có giá trị là 2.670.000 đồng. Bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá 2.670.000 đồng. Số tiền bị cáo chiếm đoạt dưới 4.000.000 đồng nhưng tại bản án số 33/2017/HSST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xử phạt Nguyễn Thành H 12 tháng tù về tội" Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình. Do đó, bản cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của của anh D để mượn tài sản. Sau khi có tài sản bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản, đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an địa phương, ảnh hưởng đến niềm tin và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã bị Tòa án xử phạt 12 tháng tù. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo không lấy đó là làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội nên cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly với xã hội một thời gian tương xứng nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá 2.670.000 đồng. Số tiền chưa đủ mức tối thiểu pháp luật quy định nhưng bị cáo đã bị lấy Bản án số 33/2017/HSST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T là yếu tố định tội nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đầu thú nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo thuộc hộ nghèo nên không áp dụng phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 175 BLHS đối với bị cáo

Ngoài hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N8 - 3810 của anh Nguyễn Văn D, cũng trong ngày 03/12/2018, Nguyễn Thành H còn có hành vi mượn 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu SUFAT, màu sơn đen, biển kiểm soát 98MĐ - 023.44 của ông Vũ Đình Đ, sinh năm 1977 và con gái ông Đ là cháu Vũ Thị Thúy V, sinh năm 2002 ở thôn Đ, xã Ng, huyện T, sau đó H đã gửi tại cửa hiệu cầm đồ Th - Th rồi hỏi vay ông Hoàng Văn Th tổng số tiền 3.000.000đồng. Tuy nhiên, H không có ý thức chiếm đoạt chiếc xe máy điện nên đã đưa cho ông Đ số

tiền 3.000.000 đồng để ông Đ lấy xe về. Do vậy, hành vi đó của Nguyễn Thành H không cấu thành tội phạm.

Đối với Phùng Thị H có hành vi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N8 - 3810 do H chiếm đoạt được của anh D, tuy nhiên bà H không biết chiếc xe trên là tài sản do phạm tội mà có nên bà H không vi phạm pháp luật. Ngày 25/01/2019, Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phùng Thị H do khi cầm xe mô tô không có giấy tờ sở hữu về chiếc xe là đúng.

[3] Về trách nhiệm dân sư: Bà Phùng Thị H khi nhận cầm cố chiếc xe mô biển kiểm soát 98N8 - 3810 do H chiếm đoạt được của anh D, tuy nhiên bà H không biết chiếc xe trên là tài sản do phạm tội mà có. Đến nay, bà H yêu cầu H phải trả lại cho bà số tiền 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo H đồng ý trả cho bà H số tiền 2.000.000 đồng, nên HĐXX chấp nhận bị cáo trả cho bà H số tiền trên là phù hợp.

[4] Về vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen - xám, biển kiểm soát 98N8- 3810 quá trình điều tra đã xác định được đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn T. Ngày 08/01/2019, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả xe cho ông Nguyễn Văn T là đúng. Đến nay ông T không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại.

[5] Án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành H phạm tội **“** Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” .

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành H 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 11/12/2018.

3. Về vật chứng: không đặt ra xem xét

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Thành H phải trả cho bà Phùng Thị H số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí: áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thành H.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo (có mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cụcTHADS huyện T ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng**;**
- Lưu Hs, Vp**.**

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị O

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thiện **Nguyễn Quốc Sửu** **Đoàn Thị Oanh**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thiện **Nguyễn Quốc Sửu** **Đoàn Thị Oanh**